TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2022/HC-PT
Ngày: 06 - 6 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 5 và ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 393/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc: "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong quản lý Nhà nước về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 15/2021/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 564/2022/QĐPT-HC ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện***:** Ông Nguyễn Công NKK, sinh năm 1958 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Số 92C C, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trương Phúc A, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 56/1 Hải T, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

(Văn bản ủy quyền ngày 05-8-2020)

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số 04 đường Trần Hưng Đ1, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Số 02 đường Trần Nhân Tông, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ: Ông Võ Ngọc Tr - Chức vụ: Phó Chủ tịch (xin vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 10-11-2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ: Ông Bùi Bá T - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Lạt (vắng mặt)

3. Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ trụ sở: Số 33 Xô Viết Nghệ T, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Q - Chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị NLQ1, sinh năm 1964 (xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Dịu NLQ2, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Dịu NLQ3, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Diệu NLQ4, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Công NLQ5, sinh năm 1994 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

6. Bà Nguyễn Thị Quỳnh NLQ6, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 92C C, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người làm chứng***:**

1. Ông Nguyễn Thế LC1 , sinh năm 1960 (xin vắng mặt)

2. Bà Vũ Thị LC2, sinh năm 1964 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Hẻm 33 đường Xô Viết Nghệ T, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là ông Nguyễn Công NKK.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-9-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28-9-2020 và bản tự khai ngày 10-10-2020, người khởi kiện là ông Nguyễn Công NKK trình bày:

Thửa đất số 642 diện tích 2.170m^2, tờ bản đồ số 23, Phường 7, thành phố Đà Lạt có nguồn gốc như sau: Trước năm 1975 là do ông Nguyễn Vui, ông Nguyễn Chương canh tác, sử dụng. Sau năm 1975, hai ông này bỏ đi khỏi địa phương và đất bỏ hoang.

Từ năm 1986, gia đình ông Nguyễn Công NKK khai hoang và sử dụng diện tích đất trên. Từ năm 1990, gia đình ông NKK đã nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp cho Uỷ ban nhân dân Phường 7 (có biên lai thu thuế đất nông nghiệp).

Ngày 22-5-1998, vợ chồng ông làm đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng, trong đó đất canh tác là 3 sào (3.000m^2) tại đường Xô Viết Nghệ Tĩnh được Uỷ ban nhân dân Phường 7 xác nhận ngày 23-5-1998 để thế chấp ngân hàng. Sau đó, ông đã thanh toán cả tiền vay gốc lẫn lãi cho ngân hàng là 5.177.500đồng theo giấy nộp tiền ngày 28-10-2004.

Năm 1993, ông là Hội viên Hội cựu chiến binh Phường 7. Năm 2000, ông Trương Hứng là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Phường 7 nhờ ông đi vận động 18 hộ dân đóng tiền ủng hộ duy trì hội cựu chiến binh. Sau đó, Uỷ ban nhân dân Phường 7 cho các hộ ký vào Hợp đồng thuê đất số 01/HĐ-UB ngày 22-6-2000 nhưng các ông bà đều nhầm tưởng là giấy tờ đóng góp duy trì Hội cựu chiến binh. Năm 2005 , Uỷ ban nhân dân Phường 7 tiếp tục ký hợp đồng thuê đất công sản số 12/HĐ-UB ngày 25-2-2005 với ông. Tuy nhiên, ông không ký vào hợp đồng này và Uỷ ban nhân dân Phường 7 vẫn thu tiền thuê đất của gia đình ông từ năm 2001-2009 tổng cộng số tiền là 13.600.000đồng.

Năm 2011, Uỷ ban nhân dân Phường 7 thanh lý hợp đồng. Ngày 09-6-2017, Uỷ ban nhân dân Phường 7 ban hành thông báo số 75/TB-UB truy thu tiền thuê đất của gia đình số tiền 3.500.000 đồng. Không đồng ý, gia đình khiếu nại. Ngày 17-01-2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành công văn số 283/UBND nội dung *"Việc Uỷ ban nhân dân Phường 7 thông báo truy thu tiền thuê đất từ năm 2012 đến năm 2016 và thông báo mức thu tiền thuê đất mới từ năm 2017 là đúng quy định. Đối vưới kiến nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, trường hợp diện tích đất các hộ đang sử dụng nằm ngoài các thửa đất Uỷ ban nhân dân Phường 7 kê khai đăng ký thì giao Uỷ ban nhân dân Phường 7 hướng dẫn người dân thực hiện kê khai loại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định".*

Ngày 06-8-2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ tiếp tục ban hành công văn số 4200/UBND có nội dung "*Không xem xét giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ có đơn nêu trên tại vị trí đất thuộc khu vực Lòng hồ Vạn Kiếp, Phường 7, TP Đà Lạt. Vì các hộ đang canh tác, sử dụng đất công ích của Phường 7, hiện đã có chủ trương chấp thuận xây dựng nhà tạm cư tại văn bản số 537/UBND-ĐC của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ngày 26-01-2010, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã ban hành thông báo số 14/TB-UBND ngày 03-02-2010 về việc thu hồi đất để xây dựng nhà tạm cư tại Phường*

7, TP Đà Lạt. Do đó, không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 99, 100, 101,102,103 và Điều 132 của Luật đất đai năm 2013" .

Không đồng ý với 02 văn bản trên của Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt, gia đình ông NKK tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1218/QĐ-UBND ngày 06-7-2020 không chấp nhận nội dung khiếu nại của gia đình ông NKK. Cho rằng việc giải quyết khiếu nại này là không đúng quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình nên ngày 15-9-2020, ông Nguyễn Công NKK có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

+ Hủy Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ;

+ Hủy Quyết định số 1218/QĐ-KPHQ ngày 06-7-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

+ Hủy Thông báo số 75/TB-UBND ngày 09-6-2017 của Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ.

** Theo văn bản của người đại diện của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày:*

Kết quả xác minh cho thấy: Trước năm 1975, diện tích đất tại khu vực lòng hồ Vạn Kiếp, Phường 7 do ông Nguyễn Vui và ông Nguyễn Chương canh tác sử dụng. Sau năm 1975, ông Nguyễn Vui và ông Nguyễn Chương chuyển đi nơi khác sinh sống, bỏ không sử dụng.

Sau giải phóng năm 1975, Uỷ ban quân quản đã tiếp quản một căn nhà và đất nông nghiệp tại khu C, lòng hồ Vạn Kiếp của ông Nguyễn Vui và ông Nguyễn Chương; sau đó, Uỷ ban nhân dân Phường 7 trực tiếp quản lý theo diện tích đất công ích (5%) và cho các hộ thuê đất để sản xuất.

Năm 2000, Uỷ ban nhân dân Phường 7 đã ký "Hợp đồng cho thuê mướn đất để sản xuất" số 01/HĐ-UB ngày 22/6/2000 cho ông Nguyễn Công NKK thuê diện tích 2.000m^2 thuộc loại B (không ghi số lô, thửa đất), thời gian thuê sử dụng là 03 năm, số tiền thuê là 1.400.000 đồng/năm. Ngày 25/02/2005, Uỷ ban nhân dân Phường 7 tiếp tục ký Hợp đồng cho thuê đất số 12/HĐ-UB với ông Nguyễn Công NKK, thời hạn thuê là 05 năm (từ năm 2005 đến 2009), số tiền thuê đất hàng năm là 2.800.000 đồng/năm. Hợp đồng chỉ có chữ ký của bên A (Uỷ ban nhân dân Phường 7), không có chữ ký của bên B (ông Nguyễn Công NKK). Từ thời điểm năm 2009 đến nay, Uỷ ban nhân dân Phường 7 không ký lại hợp đồng thuê đất với ông Nguyễn Công NKK.

Hiện trạng diện tích đất nêu trên, ông Nguyễn Công NKK đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, làm nhà kính trên toàn bộ diện tích đất.

Ngày 25/01/2010, Uỷ ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 537/UBND-ĐC về việc chấp thuận quỹ đất xây dựng nhà tạm cư tại Phường 7, thành phố Đà Lạt (thuộc quỹ đất 5% do Uỷ ban nhân dân phường 7 quản lý).

Ngày 03/02/2010, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt có Thông báo số 14/TB-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng nhà tạm cư tại Phường 7, thành phố Đà Lạt với tổng diện tích 7.375m^2 thuộc thửa đất số 643, 657, 658, 660, 661, 663 và một phần thửa đất số 642, 644, 655, 656, tờ bản đồ số 23, Phường 7, thành phố Đà Lạt (thuộc quỹ đất 5% Phường 7).

Sau đó, Uỷ ban nhân dân Phường 7 đã ban hành Thông báo số 01/TB-UB ngày 12/01/2011 gửi đến ông Nguyễn Công NKK để thực hiện việc thanh lý Hợp đồng cho thuê đất công ích. Tại thời điểm ban hành thông báo trên, các Hợp đồng thuê đất giữa Uỷ ban nhân dân Phường 7 và ông Nguyễn Công NKK trước đây đã hết hạn cho thuê. Do dự án xây dựng nhà tạm cư không được triển khai thực hiện nên ông Nguyễn Công NKK vẫn tiếp tục sử dụng đất, sản xuất nông nghiệp đến nay.

Thực hiện và triển khai Kết luận thanh tra số 306/KL-TTr ngày 02/10/2012 của Thanh tra thành phố Đà Lạt đối với Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Phường 7 liên quan đến việc cho thuê đất công ích; năm 2017, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã ban hành Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 về phê duyệt đơn giá cho thuê đất sản xuất nông nghiệp tại khu vực lòng hồ Vạn Kiếp, đường Tô Hiệu, Phường 7, thành phố Đà Lạt.

Uỷ ban nhân dân Phường 7 đã ban hành Thông báo số 75/TB-UBND ngày 09/6/2017 về việc truy thu tiền thuê đất, trong đó hộ ông Nguyễn Công NKK bị truy thu với số tiền 14.000.000 đồng và thông báo giá thuê đất mới tại khu vực lòng hồ Vạn Kiếp để các hộ ký lại hợp đồng. Tuy nhiên, các hộ (trong đó có ông Nguyễn Công NKK) đang sử dụng diện tích đất thuộc quỹ đất công ích tại khu C, lòng hồ Vạn Kiếp không đồng ý với việc truy thu số tiền thuê đất và ký lại hợp đồng theo đơn giá mới nên đã có đơn khiếu nại đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại sổ mục kê của Uỷ ban nhân dân Phường 7, lập năm 1996 (trang 158) thể hiện: Thửa đất số 642, tờ bản đồ số 23 ghi tên sử dụng đất là Uỷ ban nhân dân Phường 7.

Như vậy, toàn bộ diện tích đất nêu trên có nguồn gốc là đất công ích do Uỷ ban nhân dân Phường 7 quản lý theo diện đất công ích của địa phương theo quy định tại Điều 45, Luật Đất đai năm 1993, Điều 72, Luật Đất đai năm 2003 (nay là Điều 132, Luật Đất đai năm 2013). Do đó, ông Nguyễn Công NKK không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, Điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

"2. Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn".

Đồng thời, Hợp đồng thuê đất giữa ông Nguyễn Công NKK và Uỷ ban nhân dân Phường 7 đã hết hạn vào năm 2009. Từ thời điểm đó đến nay, Uỷ ban nhân dân Phường 7 không ký lại Hợp đồng thuê đất với ông Nguyễn Công NKK và đã có Thông báo số 01/TB-UBND ngày 12/01/2011 về việc thanh lý hợp đồng thuê đất công ích là đã thực hiện đúng theo các điều khoản thoả thuận trong Hợp đồng giữa Uỷ ban nhân dân Phường 7 và ông Nguyễn Công NKK; do đó, diện tích đất cho thuê nêu trên phải được thu hồi lại để tổ chức theo hình thức đấu giá cho thuê đất được quy định tại Điều 132, Luật Đất đai năm 2013.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đúng theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Từ nội dung vụ việc và các căn cứ pháp lý nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tuyên xử không chấp nhận đơn của ông Nguyễn Công NKK; giữ nguyên Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Công NKK.

** Theo văn bản của người đại diện của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày:*

Thống nhất với nội dung trình bày của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, người bị kiện bổ sung một số nội dung sau:

Năm 2018, bà Vũ Thị LC2 (đại diện một số hộ dân) có đơn gửi Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ. Ngày 23-4-2018, Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 2369/UBND-TD về việc chuyển đơn của công dân, chuyển đơn của bà Mai đến Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt xử lý theo quy định. Xét báo cáo số 1245/BC-TNMT ngày 04-12-2018 của Phòng tài nguyên và môi trường. Ngày 17-01-2019, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt có văn bản số 283/UBND về việc giải quyết đơn của các hộ dân sản xuất tại khu vực Lòng hồ Vạn Kiếp, Phường 7, TP Đà Lạt với nội dung: "*Việc Uỷ ban nhân dân Phường 7 thông báo truy thu tiền thuê đất từ năm 2012 đến năm 2016 và thông báo mức thu tiền thuê đất mới từ năm 2017 là đúng quy định.*

Đối với kiến nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân, trường hợp diện tích các hộ đang sử dụng nằm ngoài các thửa đất Uỷ ban nhân dân Phường 7 kê khai đăng ký thì giao Uỷ ban nhân dân Phường 7 hướng dẫn người dân thực hiện kê khai lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, đối với diện tích đất các hộ đang sử dụng thuộc các thửa đất Phường 7 đã kê khai đăng ký thì tạm thời chưa xem xét đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân".

Ngày 06-8-2019, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt có văn bản số 4200/UBND về việc giải quyết đơn của các hộ dân sản xuất tại khu vực lòng hồ Vạn Kiếp, Phường 7, thành phố Đà Lạt với nội dung:

"*Không xem xét giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các hộ có đơn nêu trên tại vị trí đất thuộc Khu vực lòng hồ Vạn Kiếp, Phường 7, TP Đà Lạt vì các hộ đang canh tác sử dụng đất công ích của Phường 7, hiện đã có chủ trương chấp thuận xây dựng nhà tạm cư tại văn bản số 537/UBND-ĐC của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ngày 26-01-2010; Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã ban hành thông báo số 14/TB-UBND ngày 03-02-2010 về việc thu hồi đất để xây dựng nhà tạm cư tại Phường 7, TP Đà Lạt. Do đó, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99, Điều 100, Điều 101, 102, 103 và Điều 132 Luật đất đai năm 2013*".

Không đồng ý với Văn bản 283/UBND ngày 17-01-2019 và văn bản số 4200/UBND ngày 06-8-2019 của Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt, bà Vũ Thị LC2 (đại diện cho các hộ dân) tiếp tục khiếu nại.

Trên cơ sở báo cáo số 284/BC-TTr ngày 11-11-2019 của Thanh tra thành phố Đà Lạt, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã ban hành Quyết định số 456/QĐ-UBND về việc giải quyết không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Công NKK

Căn cứ sổ mục kê thể hiện thửa đất 642 tờ bản đồ số 23, Phường 7, thành phố Đà Lạt do Uỷ ban nhân dân Phường 7 đăng ký kê khai.

Căn cứ bản đồ quy hoạch chung thành phố và vùng phục cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12-5-2014, căn cứ bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 tại khu vực các hộ dân đang sử dụng chủ yếu thuộc phạm vi lòng hồ Vạn Kiếp, một số ít còn lại thuộc diện tích đất nông nghiệp.

Căn cứ Điều 99, 100, 101, 102, 103 Luật đất đai năm 2013 quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và Điều 132 quy định đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích.

Căn cứ khoản 2, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2019 của Chính phủ quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định:

"*Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xác, phường, thị trấn*"

Từ nguồn gốc và căn cứ pháp luật nêu trên cho thấy, đất tại khu vực Lòng hồ Vạn Kiếp hiện các hộ đang sử dụng thuộc đất công do nhà nước quản lý, Uỷ ban nhân dân Phường 7 đăng ký đê khai và cho các hộ thuê để dản xuất. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công NKK là không có cơ sở, yêu

cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản trình bày của người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ thể hiện:

Thống nhất với lời trình bày của người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công NKK, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị NLQ1, bà Nguyễn Thị Dịu NLQ2, Nguyễn Thị Dịu NLQ3, Nguyễn Thị Diệu NLQ4, ông Nguyễn Công NLQ5, bà Nguyễn Thị Quỳnh NLQ6 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công NKK đề nghị: Hủy Thông báo số 75/TB-UBND ngày 09-6-2017 của Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công NKK đề nghị Tòa án:

+ Hủy Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ;

+ Hủy Quyết định số 1218/QĐ-KPHQ ngày 06-7-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2021, người khởi kiện là ông Nguyễn Công NKK kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Công NKK (có ông Trương Phúc A đại diện theo ủy quyền) vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NKK vì bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của một số người từng là cán bộ của Uỷ ban nhân dân Phường 7 để giải quyết vụ án là không đủ căn cứ, và không đúng quy định của pháp luật.

Nguồn gốc phần diện tích đất liên quan đến khiếu kiện do ông Nguyễn Vui và ông Nguyễn Chương canh tác, sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1975, ông Vui ông Chương bỏ đi khỏi địa phương nên đất bỏ hoang. Sau đó, Nhà nước không có bất kỳ quyết định quản lý nào đối với đất này và cũng không có văn bản nào giao đất cho Ủy ban nhân dân Phường 7 làm quỹ đất công ích 5%. Từ năm 1986, gia đình ông NKK khai hoang và sử dụng diện tích đất này đến nay. Ủy ban nhân dân Phường 7 căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng

nhân dân Phường 7 xác định phần đất nêu trên thuộc 5% đất nông nghiệp để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương, được Ủy ban cho các hộ dân thuê để sản xuất, trong đó có hộ ông NKK nhưng theo quy định tại Điều 45 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 14 Nghị định 64/CP thì Hội đồng nhân dân phường không có thẩm quyền quyết định để lại quỹ đất công ích. Mặt khác, việc ông NKK ký hợp đồng thuê đất số 01/HĐ-UB ngày 22/6/2000 do nhầm lẫn là giấy tờ đóng góp duy trì Hội cựu chiến binh nên sau đó, ông NKK đã không đồng ý ký hợp đồng thuê đất công sản số 12/HĐ-UB ngày 25/02/2005. Hơn nữa, quá trình sử dụng đất, ông NKK có làm đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng và đã được Uỷ ban nhân dân Phường 7 xác nhận ngày 23/5/1998. Như vậy, ông NKK sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1986 đến nay, không tranh chấp, được Ủy ban phường xác nhận nguồn gốc đất và phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng vắng mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ (có ông Võ Ngọc Trình đại diện theo ủy quyền) và Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ, đều xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt là ông Bùi Bá Tần, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Công NLQ5 thống nhất với ý kiến của người khởi kiện và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông NKK.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, đều xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ; Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Trần Thị NLQ1, Nguyễn Thị Dịu NLQ2, Nguyễn Thị

Dịu NLQ3, Nguyễn Thị Diệu NLQ4 và Nguyễn Thị Quỳnh NLQ6, đều xin vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Ông Nguyễn Công NKK cho rằng thửa đất số 642, tờ bản đồ số 23 tại Phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng do gia đình ông khai phá và sử dụng từ năm 1986. Tuy nhiên, khi gia đình ông NKK thực hiện việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên thì Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành văn bản số 283/UBND ngày 17-01-2019 và 4200/UBND ngày 06-8-2019 có nội dung không xem xét giải quyết, vì phần đất trên là đất công ích; Hộ ông NKK quản lý sử dụng đất do được cho thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 01/HĐ-UB ngày 22-6-2000 với Uỷ ban nhân dân Phường 7; Ngày 09-6-2017 Uỷ ban nhân dân Phường 7 đã ban hành Thông báo số 75/TB-UB truy thu tiền thuê đất của gia đình ông NKK. Sau khi ông NKK khiếu nại, ngày 22-01-2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 456/QĐ-UBND, và đến ngày 06-7-2020 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 1218/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông NKK. Do đó, ông NKK khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định giải quyết khiếu nại số 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020, Quyết định số 1218/QĐ-UBND và Thông báo số 75/TB-UBND ngày 09-6-2017 của Uỷ ban nhân dân Phường 7, thành phố Đà Lạt.

[3] Ngày 29-01-2021, ông NKK có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với Thông báo số 75/TB-UBND. Xét, việc rút yêu cầu khởi kiện của ông NKK là tự nguyện, đồng thời Thông báo số 75/TB-UBND không liên quan đến 02 quyết định hành chính bị kiện còn lại nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 173 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định pháp luật.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc phần đất tại thửa 642 là do ông Nguyễn Vui và ông Nguyễn Chương canh tác sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1975, các ông chuyển đi nơi khác nên không còn sử dụng đất.

[5] Người khởi kiện cho rằng sau khi ông Vui, ông Chương chuyển đi, ông NKK vào khai hoang và tiếp tục sử dụng đất từ năm 1986 đến nay. Chứng cứ chứng minh là đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ngày 22-5-1998, trong đó đất canh tác là 3 sào tại đường Xô Viết Nghệ Tĩnh được Uỷ ban nhân dân Phường 7 xác nhận.

[6] Người bị kiện cho rằng phần đất tại thửa 642 được xác định là đất công ích do Uỷ ban nhân dân Phường 7 quản lý (thuộc 5% quỹ đất địa phương). Ông NKK và một số hộ dân quản lý sử dụng đất là do được Uỷ ban nhân dân Phường 7 cho thuê đất. Chứng cứ chứng minh là hợp đồng cho thuê mướn đất để sản xuất số 01/HĐ-UB ngày 22-6-2000, hợp đồng cho thuê đất số 12/HĐ-UB ngày 25-02-2005 giữa ông NKK với Uỷ ban nhân dân Phường 7; Tại sổ mục kê của Uỷ ban nhân dân Phường 7 lập năm 1996 thể hiện: Thửa đất số 642, tờ bản đồ số 23 ghi tên chủ sử dụng đất là Uỷ ban nhân dân Phường 7.

[7] Hồ sơ vụ án thể hiện, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

- Lời trình bày của ông Nguyễn Viên (Nguyên Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân Phường 7 năm 1986-1999) tại Biên bản làm việc với Thanh tra thành phố Đà Lạt ngày 09-4-2019 có nội dung: "Trước năm 1975 là do ông Nguyễn Vui, Nguyễn Chương canh tác sử dụng nhưng sau giải phóng thành phố Đà Lạt ngày 03-4-1975, hai ông này không canh tác nữa mà di chuyển đến vùng khác để sinh sống, do đó Uỷ ban quân quản tiếp quản, quản lý. Sau đó, đất tại khu vực lòng hồ giao cho công an, dân quân của phường để sản xuất, lúc bấy giờ một số cán bộ đang công tác tại địa phương, một số người dân được Uỷ ban nhân dân Phường cho canh tác để tăng gia sản xuất. Đến năm 2000, Uỷ ban nhân dân Phường 7 tiến hành hợp đồng cho thuê đất đối với các hộ tại khu vực lòng hồ Vạn Kiếp, phường 7, thành phố Đà Lạt. Đây là đất công sản không phải là đất của các hộ";

- Lời khai của ông Nguyễn Thế LC1 (Nguyên là cán bộ công an Phường 4) có nội dung nêu về việc đất tại khu vực lòng hồ Vạn Kiếp giao cho công an để sản xuất;

- Đơn xin cấp đất ngày 29-11-1989 của ông Nguyễn Thạnh là một trong những người sử dụng đất của ông Vui tại khu vực lòng hồ Vạn Kiếp xin Uỷ ban nhân dân Phường 7 cho phép được sử dụng đất.

[8] Theo tài liệu chứng cứ tại mục [6] và [7], có cơ sở xác định diện tích thửa đất 642 đã được Uỷ ban nhân dân Phường 7, thành phố Đà Lạt quản lý từ sau năm 1975 đến nay. Phần diện tích đất này được xác định vào 5% đất nông nghiệp để phục vụ các nhu cầu công ích của địa phương theo quy định tại Điều 45 Luật đất đai năm 1993. Hộ ông Nguyễn Công NKK là người được Nhà nước cho thuê đất để sử dụng nhằm mục đích công ích; không thuộc trường hợp khai phá và sử dụng đất trước ngày 15-10-1993. Do vậy, ông Nguyễn Công NKK không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai.

[9] Mặt khác, theo bản đồ quy hoạch chung thành phố và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12-5-2014, và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 thì khu vực các hộ dân đang sử dụng chủ yếu thuộc phạm vi lòng hồ Vạn Kiếp, một số ít còn lại thuộc diện tích đất nông nghiệp. Theo quy định khoản 2, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014, phần đất ông NKK đang quản lý, sử dụng thuộc quỹ đất công ích của địa phương nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt có văn bản 283/UBND ngày 17-01-2019 có nội dung: "Đối với kiến nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân (trong đó có ông Nguyễn Công NKK), trường hợp diện tích đất các hộ đang sử dụng nằm ngoài các thửa đất Uỷ ban nhân dân Phường 7 kê khai đăng ký thì giao Uỷ ban nhân dân

Phường 7 hướng dẫn người dân thực hiện kê khai loại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định"; Văn bản 4200/UBND ngày 06-8-2019 có nội dung "Không xem xét giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ có đơn nêu trên tại vị trí đất thuộc khu vực Lòng hồ Vạn Kiếp, Phường 7, thành phố Đà Lạt" là có căn cứ. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định 1218/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 có nội dung bác khiếu nại của ông NKK đối với 02 văn bản trên là đúng quy định pháp luật.

[10] Ông NKK kháng cáo cho rằng việc ông ký hợp đồng thuê đất năm 2000 là do ông nhầm tưởng là giấy tờ đóng góp duy trì Hội cựu chiến binh, hợp đồng thuê đất năm 2005 thì ông không ký vào hợp đồng này nên không thừa nhận có việc thuê đất của Uỷ ban nhân dân Phường 7. Xét, trong hồ sơ vụ án có các biên lai thu tiền từ năm 2004 – 2009 thể hiện người nộp tiền là Nguyễn Công NKK, nội dung nộp tiền là "nộp tiền đất công sản". Quá trình giải quyết vụ án, ông NKK trình bày dù không ký vào hợp đồng thuê đất, nhưng Uỷ ban nhân dân Phường 7 vẫn thu tiền thuê đất của gia đình ông từ năm 2001 – 2009. Do đó, có cơ sở xác định ông NKK đã thừa nhận có việc thuê đất của Uỷ ban nhân dân Phường 7 từ năm 2000 – 2011 (khi Uỷ ban nhân dân Phường 7 thanh lý hợp đồng thuê đất), và ông NKK đã biết phần đất tại thửa 642 nằm trong phần diện tích đất do Nhà nước quản lý.

[11] Đối với chứng cứ mà ông NKK chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nêu tại mục [5] thì đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ngày 22-5-1998 do ông Nguyễn Công NKK cung cấp là đơn xin xác nhận tại địa chỉ nhà ở 92 C, Phường 7, thành phố Đ; Nhà mái lợp ngói, vách xây, nền tráng xi măng, đất canh tác tại Xô Viết Nghệ Tĩnh, diện tích 03 sào. Ngoài ra, không có nội dung nào khác thể hiện việc Uỷ ban nhân dân Phường 7 xác nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với thửa đất 642, nên tài liệu này không đủ cơ sở để chứng minh quyền sử dụng đất của ông NKK.

[12] Từ những phân tích trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông NKK là có cơ sở.

[13] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 và Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 có nội dung trả lời khiếu nại của ông NKK (do bà Vũ Thị LC2 là đại diện) đối với 02 văn bản số 283/UBND và 4200/UBND của Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt. Theo khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính thì văn bản số 4200/UBND và 283/UBND là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định bị kiện, và Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt là người bị kiện trong vụ án. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định nhưng không xem xét giải quyết đối với 02 văn bản này và không đưa Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt vào tham gia tố tụng là có thiếu sót nhưng do yêu cầu khởi kiện của ông NKK là không có căn cứ để được chấp nhận, nên thiếu sót này của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng, không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc. Do đó, cần phải sửa một phần quyết định của bản

án sơ thẩm cho phù hợp với nội dung nhận định của bản án sơ thẩm và cũng để giải quyết triệt để việc tranh chấp này.

[14] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quan điểm bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[15] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[16] Án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Nguyễn Công NKK không phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Công NKK về việc hủy Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, và Quyết định số 1218/QĐ-KPHQ ngày 06-7-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003 và các Nghị định hướng dẫn thi hành; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân năm 1989 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công NKK về việc hủy Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, và Quyết định số 1218/QĐ-KPHQ ngày 06-7-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Giữ nguyên các văn bản của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, gồm:

- Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ;

- Quyết định số 1218/QĐ-KPHQ ngày 06-7-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Văn bản 283/UBND ngày 17-01-2019 và Văn bản 4200/UBND ngày 06-8-2019 của Uỷ ban nhân dân thành phố Đ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công NKK đề nghị: Hủy Thông báo số 75/TB-UBND ngày 09-6-2017 của Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Công NKK không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
– VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
– Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
– Các đương sự (10);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1),VP (5), 21b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Nhựt Bình